

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO, THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG THEO CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND NGÀY 20/4/2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 18/9/2026 của UBND xã)

STT	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Tuổi	Giới tính	CCCD/Mã định danh cá nhân	Thôn	phân loại hộ	Hiện đang hưởng chế độ chờ cấp hàng tháng			Đối tượng đề nghị theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026				ghi chú
											Chế độ đang hưởng	Mức trợ cấp hiện đang hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng	Thuộc đối tượng áp dụng	Chế độ dự kiến hưởng theo	số tiền dự kiến hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng chính sách theo NQ04	
15	15	Phạm Thị Nữ	Phạm Thị Nữ	Chủ hộ	21/06/1995	31	Nữ	030195009789	An Khoái	HN	Đơn thân nuôi con nhỏ	700	01/01/2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
16	16	Vũ Văn Phổ	Vũ Văn Phổ	Chủ hộ	09/07/1989	37	Nam	030089018247	An Khoái	HN	NKT ĐBN 16-60	1400	01/01/2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	100	Tháng 1/2026	
17	17	Vương Thị Luyến	Vương Thị Luyến	Chủ hộ	10/04/1977	49	Nữ	030177006542	An Khoái	HN	NKT nặng từ 16-60	1050	01/01/2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	
18	18	Vương Thị Theo	Vương Thị Theo	Chủ hộ	15/05/1960	66	Nữ	030160009637	An Khoái	HN	CTCD	1050	01/01/2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	
19	19	Vương Thị On	Vương Thị On	Chủ hộ	01/09/1961	65	Nữ	030161008851	An Khoái	HN	CTCD	1050	01/01/2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	

STT	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Tuổi	Giới tính	CCCD/Mã định danh cá nhân	Thôn	phân loại hộ	Hiện đang hưởng chế độ chờ cấp hàng tháng			Đối tượng đề nghị theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026				ghi chú
											Chế độ đang hưởng	Mức trợ cấp hiện đang hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng	Thuộc đối tượng áp đụng	Chế độ dự kiến hưởng theo	số tiền dự kiến hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng chính sách theo NQ04	
95	52	Tạ Thị Hường	Tạ Thị Hường	Chủ hộ	01/01/1955	71	Nữ	030155004093	An Khoái	HCN	Hưu trí xã hội	700	01/01/2 026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
100			Nguyễn Thị Hòa	con	26/09/1977	49	Nữ	030177006386	An Khoái	HCN	Đơn thân nuôi con nhỏ	700	01/01/2 026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
102	55	Vũ Thị Đệm	Vũ Thị Đệm	Chủ hộ	01/01/1948	78	Nữ	030148011494	An Khoái	HCN	Hưu trí xã hội	700	01/01/2 026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
105	56	Lê Thị Nhờ	Lê Thị Nhờ	Chủ hộ	01/01/1947	79	Nữ	030147008776	An Khoái	HCN	Hưu trí xã hội	700	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026 đến tháng 4/2026	
		Lê Thị Nhờ	Lê Thị Nhờ	Chủ hộ	01/01/1947	79	Nữ	030147008776	An Khoái	HCN	Hưu trí XH+ Chăm sóc NKTĐBN	1400	1 từ 01/5/2 026 đến 31/7/2 026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	100	Tháng 5/2026 đến tháng 7/2026	

STT	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Tuổi	Giới tính	CCCD/Mã định danh cá nhân	Thôn	phân loại hộ	Hiện đang hưởng chế độ cho cấp hàng tháng			Đối tượng đề nghị theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026				ghi chú
											Chế độ đang hưởng	Mức trợ cấp hiện đang hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng	Thuộc đối tượng áp đụng	Chế độ dự kiến hưởng theo	số tiền dự kiến hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng chính sách theo NQ04	
		Lê Thị Nhờ	Lê Thị Nhờ	Chủ hộ	01/01/1947	79	Nữ	030147008776	An Khoái	HCN	Hưu trí xã hội	700	Jan-26	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 8/2026	
107			Phạm Văn Sơn	Con	20/8/1983	43	Nam	030083012470	An Khoái	HCN	NKT nặng từ 16-60	1050	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	
108	57	Nguyễn Văn Tùng	Nguyễn Văn Tùng	Chủ hộ	22/09/1987	39	Nam	030087002046	An Khoái	HCN	NKT ĐBN 16-60	1400	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	100	Tháng 1/2026	
109			Nguyễn Thị Xim	Vợ	19/12/1991	35	Nữ	030191015868	An Khoái	HCN	Chăm sóc NKT ĐBN	700	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
19	17	Phan Thị Thu	Phan Thị Thu	Chủ hộ	20/08/1989	37	Nữ	030189012961	An Khoái	HTN	NKT nặng từ 16-60	1050	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	
21	18	Đào Thị Chính	Đào Thị Chính	Chủ hộ	01/09/1955	71	Nữ	030155010467	An Khoái	HTN	NKT nặng là NCT	1400	01/07/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	100	Tháng 1/2026	

STT	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Tuổi	Giới tính	CCCD/Mã định danh cá nhân	Thôn	phân loại hộ	Hiện đang hưởng chế độ cho cấp hàng tháng			Đối tượng đề nghị theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026				ghi chú
											Chế độ đang hưởng	Mức trợ cấp hiện đang hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng	Thuộc đối tượng áp đụng	Chế độ dự kiến hưởng theo	số tiền dự kiến hưởng (1000 đồng)	Thời gian hưởng chính sách theo NQ04	
22	19	Vũ Thị Út	Vũ Thị Út	Chủ hộ	05/10/1949	77	Nữ	030149003804	An Khoái	HTN	Hưu trí xã hội	700	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
23	21	Vũ Thị Dung	Vũ Thị Dung	Chủ hộ	30/01/1985	41	Nữ	030185003564	An Khoái	HTN	Đơn thân nuôi con nhỏ	1400	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	100	Tháng 1/2026	
31	33	Đào Quang Dũng	Đào Quang Dũng	Chủ hộ	05/10/1948	78	Nam	030048008317	An Khoái	HTCN	Hưu trí xã hội	700	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	800	Tháng 1/2026	
32			Phan Thị Ngọc	Vợ	08/06/1967	59	Nữ	030167000160	An Khoái	HTCN	NKT nặng từ 16-60	1050	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	
33	35	Phan Văn Tinh	Phan Văn Tinh	Chủ hộ	27/8/1980	46	Nam	030080003033	An Khoái	HTCN	NKT ĐBN 16-60	1400	01/07/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	100	Tháng 1/2026	
34			Vương Thị Thảo	Vợ	06/8/1974	52	Nữ	030174005551	An Khoái	HTCN	NKT nặng từ 16-60	1050	01/01/ 2026	Khoản 1 Điều 2 NQ04	Khoản 1 Điều 3 NQ04	450	Tháng 1/2026	

Tổng hợp danh sách hưởng theo phân loại hộ

đơn vị tính 1.000 đồng

Stt	Số tiền	Hộ nghèo	Thành tiền	HCN	Thành tiền	HTN	Thành tiền	HTCN	Thành tiền	Tổng thành viên	Thành tiền	dự kiến 12 tháng	ghi chú
1	100	4	400	17	1,700	7	700	7	700	35	3,500	42,000	
2	235	0	0	1	235	0	0	0	0	1	235	2,820	
3	330	0	0	0	0	0	0	2	660	2	660	7,920	
4	450	26	11,700	18	8,100	2	900	11	4,950	57	25,650	307,800	
5	488	0	0	1	488	0	0	1	488	2	976	11,712	
6	800	5	4,000	53	42,400	13	10,400	11	8,800	82	65,600	787,200	
7	1,500	2	3,000	28	42,000	11	16,500	11	16,500	52	78,000	936,000	
Tổng		37	19,100	118	94,923	33	28,500	43	32,098	231	174,621	2,095,452	